

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT22B1** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MD05223** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Sửa chữa máy tính bàn và laptop căn bản**
Số TC: **5**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2254801022205	Lâm Triệu	An	08/09/2007				5	6.0	5.5	5.0	6.0	6.0		5.8
2	2254801022206	Đinh Thành Hải	Âu	07/06/2000				7	8.0	7.0	7.0	8.0	7.5		7.5
3	2254801022207	Dương Gia	Bảo	23/10/2007				6	6.0	5.5	6.0	7.0	6.0		6.0
4	2254801022209	Trần Ngô	Bảo	28/08/2007				7	7.0	8.0	7.5	7.0	7.5		7.4
5	2254801022210	Trịnh Gia	Bảo	28/12/2007				7	7.5	7.0	8.0	7.5	8.0		7.8
6	2254801022212	Nguyễn Chí	Dương	16/09/2007				6	7.0	6.0	7.0	7.0	6.0		6.3
7	2254801022214	Nguyễn Thành	Đạt	03/12/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
8	2254801022215	Trần Vinh	Hiền	30/11/2007				5	6.0	5.5	5.0	6.0	6.0		5.8
9	2254801022216	Trần Thanh	Hiếu	25/11/2007				6	7.0	8.0	7.5	7.0	7.0		7.1
10	2254801022217	Lê Đại	Hỷ	27/05/2007				6	5.0	6.0	5.5	6.0	5.5		5.6
11	2254801022218	Huỳnh Vĩ	Khang	24/02/2007				6	6.0	5.5	6.0	6.0	6.0		6.0
12	2254801022219	Trần Hoàng	Khang	14/10/2007				7	6.0	7.0	6.5	6.0	7.0		6.8
13	2254801022220	Nguyễn Minh	Khôi	23/09/2007				6	7.5	6.0	7.0	7.0	7.0		6.9
14	2254801022221	Đặng Quốc	Kiệt	23/10/2007				6	7.0	6.0	7.0	6.5	0.0		2.6
15	2254801022222	Lê Nguyễn Hoài	Minh	10/05/2007				7	6.0	6.5	7.0	6.0	6.5		6.5
16	2254801022223	Lâm Hữu	Nghĩa	25/12/2007				9	9.0	8.5	9.0	8.0	9.0		8.9
17	2254801022224	Nguyễn Trường	Phát	02/06/2007				8	8.0	7.0	8.0	7.5	8.0		7.9
18	2254801022227	Đỗ Trọng Minh	Tâm	01/08/2007				7	8.0	7.5	9.0	8.0	8.5		8.3
19	2254801022230	Âu Bảo	Toàn	30/05/2007				8	8.0	7.5	8.5	8.0	8.0		8.0
20	2254801022231	Trần Minh	Triết	29/08/2007				7	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5		7.5
21	2254801022232	Trịnh Tuấn	Vũ	12/09/2007				8	8.5	9.0	8.0	8.0	8.5		8.4

Châu Đốc, ngày 12 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thanh Cường